



ĐỖ THANH BÌNH (Tổng Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN THỊ THẾ BÌNH (Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN THU HIẾN – NGUYỄN MẠNH HƯỜNG
VŨ ĐỨC LIÊM – NGUYỄN VĂN NINH – NINH XUÂN THAO

LÊ THÔNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN MINH TUỆ (Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN TƯỜNG HUY – TRẦN THỊ THANH THUY
HOÀNG PHAN HẢI YẾN – NGÔ THỊ HẢI YẾN

Lịch sử và Địa lí

7

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ THANH BÌNH (Tổng Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN THỊ THẾ BÌNH (Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN THU HIỀN – NGUYỄN MẠNH HƯỞNG
VŨ ĐỨC LIÊM – NGUYỄN VĂN NINH – NINH XUÂN THAO

LÊ THÔNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN MINH TUỆ (Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN TƯỜNG HUY – TRẦN THỊ THANH THUY
HOÀNG PHAN HẢI YẾN – NGÔ THỊ HẢI YẾN

Lịch sử và Địa lí

7

Sách giáo viên

Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



Lời nói đầu

Sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 7* của bộ sách *Cánh Diều* được triển khai theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh như quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đây là tài liệu quan trọng để hỗ trợ các thầy, cô giáo trong quá trình tổ chức chuỗi các hoạt động giáo dục. Với mục đích gợi mở, tư vấn thiết kế các hoạt động trong tổ chức dạy học nhằm đảm bảo bám sát nội dung của từng bài học cụ thể trong sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 7* của bộ sách *Cánh Diều*, các tác giả đã biên soạn cuốn *Lịch sử và Địa lí 7 – Sách giáo viên*.

Cuốn sách được chia thành ba phần: phần *Lịch sử*, phần *Địa lí* và *Chủ đề chung*.

Ở phần *Lịch sử và Địa lí* mỗi phần đều có ba nội dung chính:

- A. Những vấn đề chung.
- B. Hướng dẫn dạy các bài cụ thể.
- C. Bài soạn tham khảo.

A. Những vấn đề chung bao gồm: Đặc điểm Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí; Thời lượng, cấu trúc, nội dung và Những điểm mới của sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 7; Định hướng về phương pháp và cách sử dụng thiết bị dạy học, về cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh,...

B. Hướng dẫn dạy các bài cụ thể là gợi ý cụ thể cho 21 bài phần *Lịch sử*, 22 bài phần *Địa lí*. Mỗi bài học/ chủ đề được thiết kế (mang tính gợi ý) theo hướng sau: Mục tiêu (giáo viên giúp cho học sinh hướng tới đạt được yêu cầu về năng lực, phẩm chất); Thiết bị dạy học và học liệu (máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, video clip (nếu có), lược đồ, tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học,...); Những điều cần lưu ý (về kiến thức, về phương pháp và kỹ thuật dạy học); Tiến trình dạy học (mở đầu, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng); Tư liệu hỗ trợ dạy học.

C. Bài soạn tham khảo được đặt ở cuối phần *Lịch sử* và phần *Địa lí*. Đây là ví dụ minh họa cho đề xuất thiết kế chuỗi hoạt động dạy học nêu trên để các thầy, cô giáo tham khảo.

Ở phần *Chủ đề chung* có hai chủ đề:

- Chủ đề 1. Các cuộc đại phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI.
- Chủ đề 2. Đô thị: Lịch sử và hiện tại.

Để sử dụng cuốn sách có hiệu quả, các tác giả xin có một số lưu ý sau:

Thứ nhất, việc hướng dẫn thiết kế chuỗi hoạt động dạy học theo các dạng bài có sự thống nhất trong đa dạng, nghĩa là thống nhất về quy trình, nhưng thiết kế cụ thể theo các phương án khác nhau nhằm giúp thầy, cô giáo có nhiều cơ hội lựa chọn hơn.

Thứ hai, việc thiết kế các bài học theo từng dạng bài tuy rất cụ thể nhưng chỉ có tính gợi mở, không áp đặt, chủ yếu gợi ý cho các thầy, cô giáo cách dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh. Trong quá trình tổ chức dạy học, các thầy, cô giáo tham khảo những gợi ý thiết kế đó và vận dụng linh hoạt trong điều kiện của mình hay của từng địa phương. Trong thực tế, nhiều thầy, cô giáo đã có rất nhiều sự sáng tạo phù hợp với từng điều kiện, từng hoàn cảnh, mang lại hiệu quả cao.

Tập thể tác giả xin trân trọng cảm ơn các thầy, cô giáo đã đón nhận và sử dụng cuốn sách *Lịch sử và Địa lí 7* của bộ sách *Cánh Diều*. Hi vọng cuốn sách giáo khoa và sách giáo viên *Lịch sử và Địa lí 7* sẽ là tài liệu hữu ích, gắn bó với các thầy, cô giáo trong sự nghiệp giáo dục.

CÁC TÁC GIẢ



Phần Lịch sử

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. ĐẶC ĐIỂM CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ – PHẦN LỊCH SỬ

1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở – phần Lịch sử

Môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở (THCS) góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở học sinh (HS) các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung. Trong đó, phần Lịch sử giúp hình thành, phát triển ở HS năng lực lịch sử trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực và lịch sử Việt Nam; các quá trình phát triển về chính trị, kinh tế – xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học lịch sử để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hoá – văn minh nhân loại, khơi dậy ở HS ham muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học Lịch sử

1.2.1. Các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình tổng thể

Phần Lịch sử góp phần hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

- Các phẩm chất chủ yếu là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Các năng lực chung là: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.2.2. Các năng lực đặc thù

HS khi học Lịch sử và Địa lí 7 (phần Lịch sử) sẽ giúp các em hình thành và phát triển các năng lực đặc thù như: năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Các năng lực ấy được biểu hiện cụ thể như sau:

* *Tìm hiểu lịch sử*

– Nhận diện, sưu tầm và phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản hỗ trợ cho việc tìm hiểu về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam có trong chương trình sách giáo khoa (SGK) *Lịch sử và Địa lí 7 – Phần Lịch sử*.

– Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản dưới sự hướng dẫn của giáo viên (GV) trong các bài học/ chủ đề chung

* *Nhận thức và tư duy lịch sử*

– Mô tả được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu thời trung đại; trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến ở Tây Âu; giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí và nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí; trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng và ý nghĩa, tác động của phong trào; mô tả khái quát được nội dung phong trào Cải cách tôn giáo và nêu được tác động của các cuộc Cải cách tôn giáo; trình bày được sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại.

– Phân tích được tác động của các cuộc phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử; vai trò của thành thị trung đại đối với Tây Âu trung đại; lí giải được sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu và mối quan hệ giữa giai cấp tư sản và vô sản. Phân tích được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một số đô thị cổ đại và trung đại. Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị cổ đại với các nền văn minh cổ đại; vai trò của thương nhân đối với sự phát triển của đô thị châu Âu trung đại.

– Khái quát được tiến trình phát triển của Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á, Cam-pu-chia và Lào thời phong kiến; lí giải được sự phát triển thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường; kinh tế Trung Quốc dưới thời Minh, Thanh; rút ra được nhận xét về thành tựu văn hoá Trung Quốc; trình bày được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ thời phong kiến dưới các vương triều: Gúp-ta,

Hồi giáo Đê-li, Mô-gôn; giới thiệu và nhận xét được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ; trình bày được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

– Trình bày được những nét chính về công cuộc xây dựng đất nước thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ (thế kỉ X – XV) trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục. Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá ở vùng đất phía nam (thế kỉ X – XVI).

– Mô tả khái quát được diễn biến chính của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm để bảo vệ độc lập dân tộc: kháng chiến của nhà Tiền Lê, nhà Lý chống quân Tống xâm lược; ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên của nhà Trần; kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ và khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Lợi, Nguyễn Trãi.

– Phân tích, giải thích được nguyên nhân thắng lợi (hoặc thất bại), ý nghĩa lịch sử của các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa.

** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*

– Biết sưu tầm, xử lí các nguồn tư liệu để phục vụ học tập và cuộc sống.

– Đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co và Vương quốc Lào thời Lan Xang; giới thiệu và nhận xét được thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á, Cam-pu-chia và Lào thời phong kiến.

– Đánh giá được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược; vai trò của các nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ như: Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn, Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Trần Thủ Độ, Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Hồ Quý Ly, Lê Lợi, Nguyễn Trãi,...

– Rèn luyện được kĩ năng lập bảng, biểu về các sự kiện lịch sử; kĩ năng khai thác tư liệu, đọc lược đồ lịch sử; kĩ năng tranh luận, hợp tác nhóm; kĩ năng so sánh, đánh giá sự kiện,... từ đó rút ra được bài học lịch sử, vận dụng được kiến thức vào thực tiễn.

– Khai thác, sử dụng được các nguồn tư liệu để lí giải các vấn đề liên quan đến lịch sử Tây Âu, Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á và Việt Nam thời phong kiến.

2. THỜI LƯỢNG, CẤU TRÚC, NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 – PHẦN LỊCH SỬ

2.1. Thời lượng

Môn Lịch sử và Địa lí 7 có tổng số tiết là 105 (dự kiến phần Lịch sử có 49 tiết, phần Địa lí có 50 tiết và chủ đề chung có 6 tiết), trong đó có 8 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá cho mỗi phân môn.

2.2. Cấu trúc

– Phần mở đầu sách gồm: Lời nói đầu, Kí hiệu dùng trong sách.

– Nội dung phần Lịch sử được cấu trúc thành 7 chương, 21 bài, và được thiết kế theo mạch: Lịch sử thế giới – Lịch sử khu vực – Lịch sử Việt Nam.

2.2.1. Cấu trúc nội dung chương trình, chương, bài và số tiết trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 7 – phần Lịch sử

Nội dung chương trình	Chương/ bài trong SGK	Số tiết
TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI	Chương 1. TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI	7
– Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu	Bài 1. Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu	2
– Các cuộc phát kiến địa lí	Bài 2. Các cuộc phát kiến địa lí từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVI	1
– Văn hoá Phục hưng	Bài 3. Phong trào Văn hoá Phục hưng	2
– Cải cách tôn giáo	Bài 4. Phong trào Cải cách tôn giáo	1
– Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại	Bài 5. Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu thời trung đại	1
TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX	Chương 2. TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX	5
– Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX	Bài 6. Khái quát tiến trình lịch sử Trung Quốc	3
– Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hoá của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX	Bài 7. Văn hoá Trung Quốc	2

ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX	Chương 3. ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX	4
– Vương triều Gupta	Bài 8. Khái quát lịch sử Ấn Độ thời phong kiến	3
– Vương triều Hồi giáo Delhi	Bài 9. Văn hoá Ấn Độ thời phong kiến	1
– Đế quốc Mogul		
ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI	Chương 4. ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI	3
– Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI	Bài 10. Khái quát lịch sử Đông Nam Á	1
– Vương quốc Campuchia	Bài 11. Vương quốc Cam-pu-chia	1
– Vương quốc Lào	Bài 12. Vương quốc Lào	1
VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI	Chương 5. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XV	16
– Việt Nam từ năm 938 đến năm 1009: thời Ngô – Đinh – Tiền Lê	Bài 13. Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Ngô, Đinh, Tiền Lê (939 – 1009)	3
– Việt Nam từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XIII: thời Lý	Bài 14. Công cuộc xây dựng đất nước thời Lý (1009 – 1225)	3
– Việt Nam từ thế kỉ XIII đến đầu thế kỉ XV: thời Trần, Hồ	Bài 15. Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược của nhà Lý (1075 – 1077)	2
+ Thời Trần	Bài 16. Công cuộc xây dựng đất nước thời Trần (1226 – 1400)	3
+ Thời Hồ	Bài 17. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên của nhà Trần (thế kỉ XIII)	3
	Bài 18. Nhà Hồ và cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược (1400 – 1407)	2
	Chương 6. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XV ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI	5
– Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)	Bài 19. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)	2
– Việt Nam thời Lê sơ (1428 – 1527)	Bài 20. Việt Nam thời Lê sơ (1428 – 1527)	3

– Vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	Chương 7. VÙNG ĐẤT PHÍA NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI	1
	Bài 21. Vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	1

2.2.2. Cấu trúc bài học

Cấu trúc mỗi bài học bao gồm một chuỗi các hoạt động học tập của HS. Nhóm hoạt động được sắp xếp theo thứ tự bảo đảm tiến trình bài học chặt chẽ, bao gồm: mở đầu, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng.

– Mở đầu: là những mẩu chuyện lịch sử, những dấu tích khảo cổ học, lịch sử, hoặc những hình ảnh, câu thơ, câu nói nổi tiếng,... có tác dụng khơi gợi ở HS sự tò mò, muốn khám phá nội dung lịch sử của bài học.

– Hình thành kiến thức mới: là nội dung trọng tâm của bài học. Thông qua các hoạt động học tập đa dạng với tư liệu, hình ảnh, sơ đồ, lược đồ, bảng biểu..., HS sẽ học, khám phá lịch sử một cách hứng thú.

Đặc biệt, phần kiến thức mới còn có các mục: *Em có biết?*, *Góc khám phá*, *Góc mở rộng*, giúp HS hiểu biết hơn về lịch sử trên nhiều phương diện. Qua đó, HS có điều kiện mở rộng, khám phá những điều mới lạ thông qua sách, tư liệu hoặc mạng internet.

– Luyện tập và vận dụng: là hệ thống các câu hỏi, bài tập phong phú, đa dạng, giúp HS khắc sâu nội dung bài học, vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn.

3. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 – PHẦN LỊCH SỬ

Phần Lịch sử được biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2018 có những điểm khác với chương trình giáo dục trước đây. Các nội dung và hoạt động học tập trong tất cả các chương/ bài của phần Lịch sử 7 theo Chương trình GDPT năm 2018 đều được biên soạn, xây dựng theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS. Đó là các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học; các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm.

Phần Lịch sử trong SGK *Lịch sử và Địa lí 7* được lựa chọn và thể hiện những nội dung cơ bản, cốt lõi, đảm bảo tính hệ thống của kiến thức và kĩ năng theo đúng

Chương trình GDPT năm 2018. Nội dung của bài học vừa có độ mở vừa được tích hợp với nhau tạo điều kiện cho GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy – học; tạo bối cảnh để HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập. Nội dung các bài học được thể hiện qua các hoạt động khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng, đáp ứng quá trình nhận thức của HS, đồng thời tạo hứng thú và khuyến khích HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập. Từng bài học có nhiều dạng câu hỏi: câu hỏi khai thác tranh ảnh, tư liệu; câu hỏi tổng hợp; câu hỏi, bài tập thực hành; câu hỏi liên hệ vận dụng,... nhằm khơi gợi sự ham thích tìm hiểu, khám phá lịch sử của HS.

4. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP; CÁCH SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC; CÁCH THỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

4.1. Phương pháp

Để hình thành và phát triển năng lực lịch sử cho HS phải thông qua việc tổ chức dạy học lấy HS làm trung tâm. Theo đó, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn HS đọc, hiểu, giải mã các văn bản lịch sử (kênh hình, kênh chữ, hiện vật lịch sử,...), từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức sự thật lịch sử, đưa ra suy luận, phân tích, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử và quá trình phát triển lịch sử; HS trở thành “người đóng vai nhân vật lịch sử”, hay “người làm sử” để khám phá kiến thức lịch sử, vận dụng sáng tạo hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội Việt Nam và thế giới vào các tình huống học tập cũng như thực tiễn cuộc sống.

Điểm mới của phần Lịch sử 7 là đưa ra các tư liệu, các kênh hình, từ đó GV tổ chức cho HS khai thác các tư liệu và kênh hình qua các câu hỏi trong SGK. Cuối mỗi bài đều có câu hỏi hoặc bài tập mang tính tiểu kết, khái quát hoá, vận dụng nội dung bài học vào thực tiễn.

4.2. Cách sử dụng thiết bị dạy học

Sử dụng thiết bị dạy học là một yêu cầu bắt buộc của việc đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực ở HS. Thiết bị dạy học tối thiểu của phần Lịch sử nói chung và phần Lịch sử 7 nói riêng bao gồm:

- Các bản đồ giáo khoa treo tường (thế giới, khu vực, Việt Nam) phù hợp với nội dung từng bài học và lứa tuổi HS lớp 7.

- Mô hình, hiện vật, tranh – ảnh lịch sử in trên giấy, hình kỹ thuật số tĩnh và động...

– Các bản đồ, lược đồ, sơ đồ, các video clip được biên tập cho mục đích giáo dục, phù hợp với nội dung từng bài học Lịch sử 7.

– Các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; các tờ bài tập (bản đồ, lược đồ, sơ đồ).

Ở những trường có điều kiện cơ sở vật chất tốt hơn, có thể xây dựng phòng bộ môn hoặc phòng học chuyên dụng phục vụ việc dạy học lịch sử. Những yêu cầu về thiết bị nêu trên còn tùy thuộc vào khả năng, điều kiện mỗi trường. Nhưng trong quá trình dạy học, GV phải có những thiết bị tối thiểu như bản đồ, lược đồ lịch sử, sơ đồ, biểu đồ liên quan mà nội dung lịch sử đặt ra ắt phải có. Khi sử dụng thiết bị, kênh hình trong phần Lịch sử 7, GV cần lưu ý: kênh hình không chỉ minh họa cho nội dung kênh chữ, mà chính là phương tiện để HS khai thác tri thức và có tác dụng kích thích HS học tập tích cực và sáng tạo.

4.3. Cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Khi đánh giá kết quả học tập của HS, GV cần căn cứ vào yêu cầu cần đạt về năng lực chung, năng lực lịch sử, phẩm chất chủ yếu, vận dụng vào từng bài học cụ thể để có hình thức đánh giá phù hợp.

– Đánh giá nội dung lí thuyết: hiểu biết các sự kiện lịch sử (đúng hay sai, đủ hay thiếu, cơ bản hay không cơ bản,...); khả năng tư duy, suy luận, nhận định, đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử,... thông qua các hình thức: trắc nghiệm và tự luận. Đối với HS lớp 7, hình thức trắc nghiệm nên được sử dụng nhiều hơn so với tự luận.

– Cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HS như: làm việc với bản đồ, lược đồ lịch sử, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh; quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin; sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử của HS làm trung tâm của việc đánh giá, thay vào đó cần chú trọng khả năng vận dụng tri thức lịch sử vào tình huống cụ thể.

– Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với HS bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện các dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Tạo điều kiện để HS tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

– Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về năng lực, phẩm chất và sự tiến bộ của HS.

B. HƯỚNG DẪN DẠY CÁC BÀI CỤ THỂ

Chương

1

TÂY ÂU

TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

Bài 1

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TÂY ÂU

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

1. Năng lực

– Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua sử dụng tư liệu để kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu, trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu. Mô tả sơ lược được sự ra đời của Thiên Chúa giáo.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc tìm hiểu đặc điểm của lãnh địa phong kiến và phân tích được vai trò của thành thị trung đại.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khai thác và sử dụng tư liệu hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm và trao đổi thảo luận để tìm hiểu về đặc điểm của lãnh địa phong kiến, quan hệ xã hội của chế độ phong kiến ở Tây Âu và vai trò của thành thị trung đại.

2. Phẩm chất

Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm trong học tập và góp phần bảo tồn và phát huy giá trị tinh hoa văn hoá của nhân loại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Lược đồ, tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học.

– Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, video clip (nếu có).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

– Căn cứ vào mục tiêu, nội dung bài học, điều kiện và khả năng của HS, GV có thể lựa chọn, sử dụng phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học phù hợp.

– Bài học cần được tổ chức theo chuỗi các hoạt động, tăng cường phối hợp các hoạt động học tập cá nhân/ nhóm/ toàn lớp trong quá trình dạy học.

– Bài học dự kiến được thực hiện trong 2 tiết, tùy theo địa phương, theo trường, theo lớp, GV tổ chức và phân bổ thời gian sao cho hợp lý.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu:* Tạo tâm thế cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

b) *Tổ chức thực hiện:* Có nhiều cách mở đầu bài học, GV có thể sử dụng các cách sau đây: Giới thiệu thông tin phần mở đầu trong SGK hoặc sử dụng một số hình ảnh về Tây Âu thời trung đại như: lâu đài, thành thị trung đại, hình ảnh nông nô cồng nạp cho lãnh chúa,... Sau đó, GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu

a) *Mục tiêu:* Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể cho HS làm việc cá nhân. HS đọc thông tin và quan sát lược đồ 1 trong SGK để trả lời các câu hỏi:

– *Hãy nêu những việc làm của người Giéc-man và các bộ tộc khác sau khi lật đổ đế quốc La Mã.*

– *Kể lại những sự kiện chủ yếu của quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.*

GV có thể gọi một số HS lên bảng trình bày về sự thành lập các vương quốc Tây Âu trên lược đồ.

Sau khi HS trình bày, GV nhận xét, góp ý và chốt lại nội dung kiến thức.

Lưu ý: GV cần mở rộng kiến thức bằng việc nhấn mạnh người Giéc-man xâm lược đế quốc La Mã khi họ vẫn ở thời kì nguyên thủy, lạc hậu hơn so với người La Mã.

2.2. Tìm hiểu về đặc điểm lãnh địa và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến ở Tây Âu

a) *Mục tiêu:* Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến ở Tây Âu.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể cho HS làm việc nhóm, đọc thông tin và quan sát các hình 1.2, 1.3 trong SGK để thực hiện các nhiệm vụ sau:

– *Nhiệm vụ 1:* Trình bày đặc điểm kinh tế trong lãnh địa của phong kiến Tây Âu.

– *Nhiệm vụ 2:* Trình bày đặc điểm xã hội trong lãnh địa của chế độ phong kiến Tây Âu.

Để giúp HS trả lời được câu hỏi, GV vận dụng kĩ thuật khăn trải bàn và kĩ thuật 3-2-1, tổ chức cho HS làm việc nhóm và nhận xét, góp ý chéo.

GV gợi ý cho HS khai thác nội dung trong hình 1.2 để HS hiểu rõ đặc điểm của lãnh địa phong kiến Tây Âu với các câu hỏi gợi mở như: *Em quan sát thấy những hình ảnh gì trong lãnh địa phong kiến? Em có nhận xét gì về nơi ở của lãnh chúa và nông nô?...*

Đại diện các nhóm trình bày, GV nhận xét, chốt lại nội dung kiến thức.

2.3. Tìm hiểu về thành thị Tây Âu thời trung đại

a) *Mục tiêu:* Phân tích được vai trò của thành thị trung đại.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể vẫn cho HS làm việc theo nhóm. HS đọc thông tin và quan sát hình 1.4 để tìm hiểu thành thị Tây Âu thời trung đại. GV có thể sử dụng phiếu học tập để HS điền nội dung. GV cũng có thể cho HS thảo luận và lựa chọn một vai trò của thành thị mà HS cho là quan trọng nhất và giải thích hoặc tổ chức cho HS tranh luận.

Sau khi các nhóm chia sẻ sản phẩm, GV cho HS nhận xét, góp ý, bổ sung và chốt lại nội dung kiến thức (thông qua phản hồi phiếu học tập).

Nội dung	Thành thị Tây Âu thời trung đại
Thời gian	Từ cuối thế kỉ XI.
Nguồn gốc	Thuận lợi về giao thông, gần bến cảng, ngã ba, ngã tư,...
Cấu trúc	Có phố phường, bến cảng, rạp hát, nhà thờ,...
Kinh tế	Thủ công nghiệp, thương nghiệp là chủ đạo.
Xã hội	Chủ yếu là thợ thủ công và thương nhân.
Ý nghĩa	– Góp phần phá vỡ nền kinh tế tự nhiên, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hoá phát triển. – Góp phần xoá bỏ chế độ phong kiến phân quyền, xây dựng chế độ phong kiến tập quyền. – Tạo điều kiện cho các trường đại học xuất hiện, truyền bá văn hoá,...

Lưu ý: GV mở rộng: Không khí tự do ở thành thị đã tạo điều kiện cho sự xuất hiện của các trường đại học; xuất hiện các tầng lớp mới như thị dân, thương nhân; kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển, đời sống nâng cao nên có nhu cầu khám phá tri thức khoa học, văn hoá,...

2.4. Tìm hiểu về sự ra đời của Thiên Chúa giáo

a) *Mục tiêu:* Mô tả sơ lược được sự ra đời của Thiên Chúa giáo.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và quan sát hình 1.5 để trả lời câu hỏi: *Hãy trình bày về sự ra đời của Thiên Chúa giáo và nêu hiểu biết của em về Chúa Giê-su.*

Sau khi HS trình bày, GV nhận xét, góp ý và chốt lại nội dung kiến thức.

Lưu ý:

– GV có thể mở rộng kiến thức bằng việc phân tích, làm sáng tỏ thế lực của Thiên Chúa giáo về kinh tế và chính trị ở Tây Âu thời trung đại.

– GV có thể liên hệ với sự du nhập của Công giáo (Thiên Chúa giáo) vào Việt Nam trong các thế kỉ XVI – XVII (Công giáo du nhập vào Việt Nam gắn với hoạt động của các nhà truyền giáo người Bồ Đào Nha, người Pháp; nhà truyền giáo tiêu biểu là A-lêch-xăng đê Rôt; các nhà truyền giáo mở đường cho sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân nhưng cũng sáng tạo ra chữ Quốc ngữ cho Việt Nam,...).

3. Luyện tập và vận dụng

a) *Mục tiêu*

- Củng cố kiến thức đã học.
- Liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

b) *Tổ chức thực hiện*

– *Luyện tập:* GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu 1. Câu hỏi này đã được tìm hiểu nên HS có thể trả lời được.

– *Vận dụng:*

+ GV yêu cầu HS đọc câu 2, 3 (SGK), trao đổi thảo luận với bạn và về nhà hoàn thành sản phẩm. Sản phẩm cần đa dạng (câu chuyện/ video/ sơ đồ tư duy/ áp phích,...). HS làm việc cá nhân ở nhà và nộp lại sản phẩm trong buổi học sau.

+ GV có thể đưa những bài tập vận dụng khác hoặc sử dụng các câu hỏi trong sách bài tập.

V. TƯ LIỆU HỖ TRỢ DẠY HỌC

Vai trò của thành thị Tây Âu thời trung đại

Thành thị không những là trung tâm kinh tế công thương nghiệp mà còn là trung tâm văn hoá, giáo dục và chính trị của xã hội phong kiến. Kinh tế thành thị là nền kinh tế hàng hoá – tiền tệ, là một lực lượng kinh tế – xã hội mới tiên bộ và đang phát triển. Nó từng bước đẩy lùi nền kinh tế tự nhiên trong các lãnh địa. Thị dân tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của nông thôn, đồng thời cung cấp cho nông thôn những sản phẩm quan trọng như nông cụ, vải vóc, các nhu yếu phẩm trong sinh hoạt như muối, diêm, xà phòng,... Lãnh chúa cũng không cần những sản phẩm thủ công của nông dân trong lãnh địa nữa, họ yêu thích những sản phẩm do thị dân làm ra. Nó vừa đẹp hơn, tinh xảo hơn, lại phong phú hơn. Vì thế, nông dân phải đem bán những nông phẩm của mình để lấy tiền nộp địa tô cho lãnh chúa. Tô tiền đã dần thay thế cho tô hiện vật.

(Nghiêm Đình Vỹ (Chủ biên), *Lịch sử thế giới cổ trung đại*,
Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2003, tr.319)

Bài 2

CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ TỪ THẾ KỈ XV ĐẾN THẾ KỈ XVI

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

1. Năng lực

– Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sử dụng lược đồ, tư liệu để giới thiệu những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí trên thế giới và hệ quả của nó.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua trao đổi, thảo luận giải quyết nhiệm vụ học tập.

2. Phẩm chất

– Có ý thức trân trọng những nỗ lực khám phá của các nhà phát kiến địa lí, qua đó có sự phân đấu trong học tập, lao động.

– Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm trong việc đấu tranh chống lại sự áp bức, bóc lột và sự bất bình đẳng trong xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Lược đồ, tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học như: Lược đồ các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI, ảnh cư dân châu Phi bị bắt đưa sang châu Mỹ,...
- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, video clip (nếu có).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

- Căn cứ vào mục tiêu, nội dung bài học, điều kiện thực tiễn, GV có thể lựa chọn, sử dụng phương pháp, phương tiện, kĩ thuật dạy học phù hợp để hướng dẫn HS tìm hiểu những nội dung cốt lõi về các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI.
- Bài học dự kiến dạy trong 1 tiết, được tổ chức theo chuỗi các hoạt động để HS đạt được mục tiêu.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu:* Tạo tâm thế cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

b) *Tổ chức thực hiện:* Có nhiều cách mở đầu bài học, GV có thể sử dụng các cách sau đây: Giới thiệu thông tin phần mở đầu trong SGK, sử dụng video clip về phát kiến địa lí hoặc một số hình ảnh liên quan đến các nhà hàng hải trong phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI,... Sau đó, GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới

a) *Mục tiêu:* Giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể cho HS làm việc theo nhóm. Mỗi nhóm sẽ tìm hiểu về một cuộc phát kiến địa lí dựa vào thông tin trong bài và quan sát lược đồ 2, bảng 2 để trình bày những nét chính về hành trình của một cuộc phát kiến địa lí lớn.

GV cần gợi ý cho HS cách khai thác lược đồ, tìm hành trình của các cuộc phát kiến địa lí như: điểm xuất phát; đi theo hướng nào; qua các biển, đại dương nào,... Sau khi HS báo cáo kết quả (trình bày kết hợp chỉ trên lược đồ), GV nhận xét, góp ý và kết luận như bảng 2 trong SGK.

Lưu ý: GV có thể tham khảo Tư liệu hỗ trợ dạy học dưới đây và sưu tầm thêm tư liệu để trình bày chi tiết hơn về các cuộc phát kiến địa lí. Đặc biệt là sử dụng phương pháp kể chuyện, sử dụng những câu chuyện trên các cuộc hành trình của

các nhà phát kiến địa lí. Đối với HS giỏi, GV có thể đặt câu hỏi: *Những phát kiến của người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha có những điểm giống và khác nhau như thế nào?* (– Giống nhau: đều là những phát kiến địa lí quan trọng, đều thể hiện khát vọng khám phá thế giới của các nhà hàng hải, đều được khám phá bằng đường biển,...; – Khác nhau: người Bồ Đào Nha đi về phía đông, vòng qua châu Phi, người Tây Ban Nha đi về phía tây qua châu Mỹ; người Bồ Đào Nha đem về nhiều vàng bạc, hương liệu, gia vị..., hơn người Tây Ban Nha.

2.2. Tìm hiểu về hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí

a) *Mục tiêu:* Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể cho HS làm việc cá nhân, yêu cầu HS đọc thông tin, tư liệu và quan sát hình 2.2 để trả lời câu hỏi: *Hãy trình bày hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí. Theo em, hệ quả nào là quan trọng nhất? Vì sao?*

GV có thể cho một số HS trình bày, các HS khác góp ý. Sau đó, GV nhận xét, chốt lại nội dung kiến thức.

Lưu ý:

– Khi HS trả lời ý 2, GV cần tôn trọng các quan điểm khác nhau, thậm chí đối lập nhau của HS. GV khuyến khích HS đưa ra những lập luận, chứng cứ thuyết phục bạn có ý kiến khác mình.

– Ngoài các hệ quả như trong SGK đã nêu, GV cũng có thể phân tích sâu hơn, mở rộng thêm các hệ quả khác nếu cần thiết (Gợi ý: thúc đẩy giao lưu kinh tế thương mại phát triển; thúc đẩy giao thoa văn hoá Đông – Tây,...).

3. Luyện tập và vận dụng

a) *Mục tiêu*

– Củng cố kiến thức đã học.

– Liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

b) *Tổ chức thực hiện*

– **Luyện tập (câu 1):** GV cho HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp trên lớp. Khuyến khích HS vẽ các sơ đồ tư duy khác nhau để thể hiện sự sáng tạo.

– **Vận dụng:** GV yêu cầu HS đọc câu 2 (SGK), mỗi HS tự chọn một hệ quả, có thể trao đổi thảo luận với bạn và về nhà hoàn thành sản phẩm rồi nộp lại sản phẩm trong buổi học sau; sản phẩm phải đa dạng.

V. TƯ LIỆU HỖ TRỢ DẠY HỌC

Ở Tây Âu thời hậu kì trung đại, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha có điều kiện thuận lợi hơn cả để thực hiện các cuộc phát kiến địa lí, tìm đường sang phương Đông. Còn các nước khác như Anh, Pháp, Hà Lan,... đang bận rộn với công việc nội trị, hàn gắn vết thương chiến tranh. Các vua Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha vốn rất sành sỏi tiêu dùng hàng xa xỉ phương Đông nên rất nhiệt tình ủng hộ, tài trợ cho các đoàn thám hiểm,...

(Nguyễn Đình Vỹ (Chủ biên), *Lịch sử thế giới cổ trung đại*,
Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2003, tr.326)

Bài 3 PHONG TRÀO VĂN HOÁ PHỤC HƯNG

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

1. Năng lực

- Năng lực sử dụng tư liệu lịch sử thông qua việc trình bày được sự biến đổi quan trọng về kinh tế, xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc tìm hiểu những thành tựu tiêu biểu, ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi, thảo luận làm việc nhóm tìm hiểu về thành tựu của phong trào Văn hoá Phục hưng.

2. Phẩm chất

- Có ý thức trách nhiệm và góp phần bảo tồn những thành tựu của văn hoá thời kì Phục hưng.
- Giáo dục phẩm chất nhân ái thông qua việc phân tích giá trị nhân văn của phong trào Văn hoá Phục hưng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học.
- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, video clip (nếu có).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

– Căn cứ vào mục tiêu, nội dung bài học, điều kiện thực tiễn, GV có thể lựa chọn, sử dụng phương pháp, phương tiện, kĩ thuật dạy học phù hợp để hướng dẫn HS tìm hiểu những nội dung cơ bản về phong trào Văn hoá Phục hưng.

– Bài học được dự kiến dạy trong 2 tiết, được tổ chức theo chuỗi các hoạt động để HS đạt được mục tiêu.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu:* Tạo tâm thế cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

b) *Tổ chức thực hiện:* Có nhiều cách mở đầu bài học, GV có thể sử dụng các cách sau đây: Giới thiệu thông tin phần mở đầu trong SGK, sử dụng một số hình ảnh tiêu biểu về phong trào Văn hoá Phục hưng hoặc video clip về một trong những thành tựu của phong trào Văn hoá Phục hưng,... Sau đó, GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. *Tìm hiểu sự biến đổi về kinh tế, xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI*

a) *Mục tiêu:* Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế, xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể cho HS làm việc theo nhóm, các nhóm đọc thông tin và quan sát hình 3.2 để hoàn thành phiếu học tập.

Sau khi HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập, GV gọi đại diện nhóm HS báo cáo sản phẩm, nhận xét. Sau đó, GV chốt lại nội dung kiến thức.

Phiếu học tập (tham khảo)

Nội dung	Chuyển biến	Hệ quả
Về kinh tế		
Về xã hội		

GV cần giải thích nguyên nhân dẫn đến bùng nổ phong trào Văn hoá Phục hưng: giai cấp tư sản đang lên giàu có về kinh tế nhưng không có địa vị xã hội, chính trị tương xứng; tư tưởng lỗi thời của giai cấp phong kiến như phục vụ Giáo hội Thiên Chúa giáo, hạn chế phát triển kinh tế thương nghiệp,...; giai cấp tư sản

chủ trương khôi phục, làm sống lại tinh hoa văn hoá Hy Lạp và La Mã chỉ là hình thức, bản chất là xây dựng một nền văn hoá mới tiến bộ, phù hợp với mình.

2.2. Tìm hiểu về thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng

a) *Mục tiêu:* Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể cho HS làm việc theo nhóm (có thể sử dụng kỹ thuật 3-2-1), HS đọc thông tin và quan sát các hình 3.3, 3.4, trao đổi để tìm hiểu về những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng. Sau khi đại diện các nhóm trình bày, GV cho HS nhận xét, góp ý, bổ sung và chốt lại nội dung kiến thức.

Lưu ý:

– GV khuyến khích HS sáng tạo trong việc thiết kế các sản phẩm học tập như: lập bảng, vẽ sơ đồ tư duy,...

– GV có thể phân tích rõ hơn những thành tựu của phong trào Văn hoá Phục hưng, đặc biệt là giá trị của các thành tựu đó.

2.3. Tìm hiểu về ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu

a) *Mục tiêu:* Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong bài để tìm hiểu về ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng.

GV có thể yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và tìm các từ khoá thể hiện ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng.

GV cũng có thể làm phiếu học tập và yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập.

Phiếu học tập (tham khảo)

Hãy nối nội dung ở cột A với nội dung ở cột B sao cho phù hợp.

Cột A	Cột B
Ý nghĩa	– Đề cao giá trị và vẻ đẹp của con người.
	– Mở đường cho sự phát triển của văn hoá châu Âu.
	– Đề cao vai trò của khoa học tự nhiên.

Tác động	- Thúc đẩy quần chúng đấu tranh.
	- Đề cao quyền tự do cá nhân.
	- Lên án nghiêm khắc Giáo hội Thiên Chúa giáo.

Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và chốt ý.

3. Luyện tập và vận dụng

a) Mục tiêu

- Củng cố kiến thức đã học.
- Liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

- Luyện tập:

GV cho HS làm việc nhóm để hoàn thành câu 1. HS nhớ lại kiến thức để điền vào bảng theo mẫu.

Với câu 2, GV có thể gọi một số HS trả lời. Sở dĩ nói phong trào Văn hoá Phục hưng đã sinh ra “những người khổng lồ” vì đã xuất hiện nhiều nhà văn hoá lớn, có tư tưởng lớn và có bộ óc vĩ đại như Lê-ô-na đơ Vanh-xi, Cô-péc-ních, Sếch-xpia,...

- Vận dụng: GV yêu cầu HS đọc câu 3 (SGK), trao đổi thảo luận với bạn và lên ý tưởng về nhà thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc cá nhân ở nhà, sản phẩm có thể là bài viết, video clip, bài trình chiếu,...

V. TƯ LIỆU HỖ TRỢ DẠY HỌC

Ý nghĩa của phong trào Văn hoá Phục hưng

Bằng tinh thần đấu tranh dũng cảm bất chấp lò thiêu và ngục tối của toà án tôn giáo, các chiến sĩ trên mặt trận văn hoá thời Phục hưng đã đánh bại hệ tư tưởng lỗi thời của phong kiến và Giáo hội Thiên Chúa giáo, do đó đã giải phóng tư tưởng, tinh cảm con người khỏi sự kìm hãm và trói buộc của Giáo hội Thiên Chúa giáo.

Các nhà văn, nghệ sĩ, các nhà khoa học, triết học đã đóng góp trí tuệ và tài năng tuyệt vời của mình vào phong trào văn hoá đó bằng những tác phẩm và công trình bất hủ, do đó đã làm phong phú thêm kho tàng văn hoá của nhân loại. Hơn nữa, những công trình văn hoá đó về nhiều mặt là chuẩn mực, là sự mở đầu cho



Phần Địa lí

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. ĐẶC ĐIỂM CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ – PHẦN ĐỊA LÍ

1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí – phần Địa lí

Trong Chương trình GDPT năm 2018, môn *Lịch sử và Địa lí* ở cấp Trung học cơ sở là môn học bắt buộc, được dạy ở tất cả các lớp 6, 7, 8 và 9.

Môn học gồm các nội dung giáo dục về địa lí và một số chủ đề liên môn, đồng thời lồng ghép, tích hợp kiến thức về các nội dung đơn giản về kinh tế, văn hoá, khoa học, tôn giáo,...

Môn *Lịch sử và Địa lí* có nhiệm vụ cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác giúp hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực chung, đồng thời hình thành và phát triển ở HS năng lực lịch sử và năng lực địa lí – biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học.

Đặc điểm của môn *Lịch sử và Địa lí* còn thể hiện ở các tính chất đặc trưng của Chương trình, đó là: tính nhân văn, tính nhân văn, tính hệ thống, tính cơ bản; tính khoa học và tính hiện đại; tính thực hành; tính mở và tính liên thông.

Nội dung của phần *Địa lí* trong Chương trình GDPT năm 2018 môn *Lịch sử và Địa lí 7* là địa lí các châu lục, nhằm khơi dậy ở HS ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế. Ở *Lịch sử và Địa lí 7* còn có hai chủ đề chung là: Các cuộc đại phát kiến địa lí; Đô thị: Lịch sử và hiện tại.

1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học Địa lí

Trong Chương trình GDPT năm 2018, môn *Lịch sử và Địa lí* có hai mạch nội dung rõ ràng là Lịch sử và Địa lí. Ngay trong các chủ đề chung, cũng có phân trách nhiệm dạy học thuộc về GV Địa lí, có phân trách nhiệm dạy học thuộc về GV Lịch sử. Việc tích hợp thể hiện ở cấu tạo chủ đề chung và cách phát triển tư duy, năng lực cho HS. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công dạy học và bố trí nhân sự ở các nhà trường.

1.2.1. Các phẩm chất và năng lực được xác định trong Chương trình tổng thể

Trong Chương trình tổng thể đã xác định:

- Các phẩm chất chủ yếu là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Các năng lực chung là: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Các năng lực đặc thù được hình thành, phát triển thông qua môn học và hoạt động học tập.

HS khi học *Địa lí* sẽ hình thành năng lực địa lí. Năng lực địa lí gồm có ba thành phần năng lực là: năng lực nhận thức khoa học địa lí; năng lực tìm hiểu địa lí; năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

– *Năng lực nhận thức khoa học địa lí* gồm các biểu hiện cụ thể như: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian; thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội).

– *Năng lực tìm hiểu địa lí* bao gồm các biểu hiện cụ thể như: sử dụng các công cụ của địa lí học, tổ chức học tập ở thực địa, khai thác internet phục vụ môn học.

– *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*: Trong quá trình học tập, HS học được cách vận dụng kiến thức thực tế để bổ sung, làm sáng rõ kiến thức địa lí; đồng thời vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào nhận thức hoặc nghiên cứu một chủ đề vừa sức trong thực tiễn.

1.2.2. Mô tả chi tiết năng lực địa lí

Bảng mô tả năng lực địa lí ở cấp Trung học cơ sở

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Nhận thức khoa học địa lí	<i>Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian</i> – Định hướng không gian: biết sử dụng các phương tiện khác nhau, đặc biệt là địa bản để xác định chính xác phương hướng; biết xác định vị trí địa lí của một địa điểm và phương hướng trên bản đồ; biết phân tích phạm vi, quy mô của một lãnh thổ. – Phân tích vị trí địa lí: biết phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các quá trình tự nhiên và kinh tế – xã hội.

- Phân tích sự phân bố: mô tả được đặc điểm phân bố của đối tượng, hiện tượng địa lí.
- Diễn đạt nhận thức không gian: sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; sử dụng được lược đồ để diễn tả mối quan hệ không gian giữa các hiện tượng, sự vật địa lí; mô tả được một địa phương với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư và kinh tế. Từ đó hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt địa phương này với địa phương khác.

Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội)

- Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên:
 - + Mô tả được mối quan hệ qua lại và quá trình địa lí trên Trái Đất; mô tả được sự phân bố thiên nhiên các châu lục; mô tả được các đặc điểm cơ bản của thiên nhiên Việt Nam; giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá thiên nhiên Việt Nam.
 - + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình tự nhiên.
 - + Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ giữa các thành phần tự nhiên để tìm ra một số tình huống.
- Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong kinh tế – xã hội:
 - + Mô tả được sự phân hoá không gian của các hiện tượng dân cư, quần cư, kinh tế, văn hoá; giải thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hoá đó qua một ví dụ cụ thể.
 - + Tìm được các minh chứng về mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong sự phát triển, phân bố dân cư và các ngành kinh tế.
 - + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình kinh tế – xã hội.
 - + Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ nhân quả trong đời sống kinh tế – xã hội.
- Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất:

	+ Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục. + Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phân bố dân cư, sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế thông qua ví dụ cụ thể về địa lí Việt Nam. – Phân tích tác động của xã hội loài người lên môi trường tự nhiên: + Phân tích được cách thức mà con người ở các châu lục, ở các vùng miền của nước ta đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
Tìm hiểu địa lí	Sử dụng các công cụ của địa lí học – Khai thác tài liệu văn bản: tìm được nội dung địa lí trong một đoạn văn, biết đặt tiêu đề thích cho một bức ảnh, tranh vẽ từ góc nhìn địa lí; biết sử dụng tài liệu địa lí phục vụ cho một bài tập địa lí về địa lí Việt Nam; xây dựng một chủ đề về địa lí Việt Nam. – Sử dụng bản đồ: nhận biết các yếu tố bản đồ; biết đọc bản đồ tỉ lệ nhỏ về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết; biết sử dụng tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm; biết đọc lát cắt địa hình. – Tính toán, thống kê: kể được tên một số đại lượng đo các hiện tượng, tính toán tự nhiên và xã hội; được một số chỉ tiêu về gia tăng dân số, phân bố dân cư và một số chỉ tiêu đo sự phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống. – Phân tích biểu đồ, sơ đồ: biết đọc biểu đồ khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa); biết đọc các dạng biểu đồ thông dụng trong phân tích động thái, cơ cấu, quy mô và đặc điểm phân bố của hiện tượng và đối tượng địa lí; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình đơn giản. Tổ chức học tập ở thực địa Biết chuẩn bị điều kiện cần thiết trước khi thực hiện khảo sát thực địa; biết sử dụng một số công cụ đơn giản và thông dụng để thực hiện quan sát, quan trắc ngoài thực địa; biết ghi chép nhật kí thực địa; biết viết thu hoạch sau một ngày thực địa. Khai thác internet phục vụ môn học Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế – xã hội từ những trang web được GV giới thiệu; biết xác định các từ khoá trong tìm

	kiểm thông tin theo chủ đề; biết đánh giá thông tin tiếp cận được; có kĩ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao.
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	<i>Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế</i> Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí.
	<i>Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tế</i> Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tế; có khả năng trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm.

2. THỜI LƯỢNG, CẤU TRÚC, NỘI DUNG CHỖ CHỖ GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 - PHẦN ĐỊA LÍ

2.1. Thời lượng

Các chủ đề, bài học trong *Địa lí 7* được biên soạn bám sát theo Chương trình GDPT năm 2018 môn *Lịch sử và Địa lí 7*, nội dung giáo dục Địa lí.

Toàn bộ thời lượng của môn *Lịch sử và Địa lí 7* là 105 tiết. Dự kiến *Lịch sử* 49 tiết, *Địa lí* 50 tiết và *Chủ đề chung* 6 tiết.

Mặc dù trong Chương trình môn học có phân bổ phần trăm cho các mạch nội dung, nhưng để thuận lợi cho GV và nhà trường trong triển khai công việc dạy học, dựa trên kinh nghiệm lên kế hoạch dạy học những năm qua, chúng tôi đưa ra kế hoạch dạy học dự kiến như sau:

Địa lí 7 gồm 42 tiết học kiến thức mới; 8 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá giữa kì và cuối kì. Cụ thể:

Học kì I: 21 tiết + 4 tiết ôn tập, kiểm tra = 25 tiết.

- Có thể tổ chức ôn tập giữa kì và kiểm tra viết (giữa kì) sau bài 5.
- Có thể tổ chức ôn tập học kì I và kiểm tra học kì I sau bài 9.

Học kì II: 21 tiết + 4 tiết ôn tập, kiểm tra = 25 tiết.

- Có thể tổ chức ôn tập giữa kì và kiểm tra viết (giữa kì) sau bài 15.
- Tổ chức ôn tập học kì II và kiểm tra học kì II sau bài 22.

2.2. Cấu trúc

Địa lí 7 được cấu trúc thành các chương, bài. Mỗi bài học được cấu trúc thành các phần sau:

- **Phần Mở đầu:** tạo hứng thú và nêu nhiệm vụ học tập.
- **Phần Kiến thức mới:** trình bày những nội dung cốt lõi của bài. GV căn cứ nội dung đó để tổ chức các hoạt động học tập phù hợp, kết hợp việc sử dụng lược đồ, tranh ảnh, bảng biểu,... giúp HS khai thác kiến thức. Ở một số bài, trong phần này còn có ô *Em có biết?* để mở rộng hiểu biết về một hiện tượng, đối tượng địa lí nào đó được nói đến trong bài hoặc liên hệ thực tế.
- **Phần Luyện tập và vận dụng:** là những câu hỏi nhằm hệ thống hoá lại nội dung, củng cố kiến thức của bài học và những tình huống vận dụng kiến thức vào học tập, cuộc sống.

2.3. Nội dung

Bảng đối chiếu nội dung Chương trình GDPT 2018,
các bài trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 7 – phần Địa lí và số tiết

Nội dung Chương trình	Các bài trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 7 – phần Địa lí	Số tiết
CHÂU ÂU	CHƯƠNG 1. CHÂU ÂU	8
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu – Đặc điểm tự nhiên	Bài 1. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm tự nhiên châu Âu	2
– Đặc điểm dân cư, xã hội	Bài 2. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu	2
– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	Bài 3. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	2
– Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)	Bài 4. Khái quát về Liên minh châu Âu	2
CHÂU Á	CHƯƠNG 2. CHÂU Á	10
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Á – Đặc điểm tự nhiên	Bài 5. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm tự nhiên châu Á	3
– Đặc điểm dân cư, xã hội	Bài 6. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á	2

– Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á	Bài 7. Bản đồ chính trị châu Á. Các khu vực của châu Á	4
– Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á	Bài 8. Thực hành: Tìm hiểu một nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á	1
CHÂU PHI	CHƯƠNG 3. CHÂU PHI	8
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi – Đặc điểm tự nhiên	Bài 9. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm tự nhiên châu Phi	2
– Đặc điểm dân cư, xã hội	Bài 10. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Phi	2
– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	Bài 11. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	3
– Khái quát về Cộng hoà Nam Phi	Bài 12. Thực hành: Tìm hiểu khái quát về Cộng hoà Nam Phi	1
CHÂU MỸ	CHƯƠNG 4. CHÂU MỸ	10
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ – Phát kiến ra châu Mỹ	Bài 13. Vị trí địa lí, phạm vi và việc phát kiến ra châu Mỹ	1
– Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu vực châu Mỹ (Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ)	Bài 14. Đặc điểm tự nhiên Bắc Mỹ	2
– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ	Bài 15. Đặc điểm dân cư, xã hội Bắc Mỹ	1
	Bài 16. Phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ	2
	Bài 17. Đặc điểm tự nhiên Trung và Nam Mỹ	2
	Bài 18. Đặc điểm dân cư, xã hội Trung và Nam Mỹ	1
	Bài 19. Thực hành: Tìm hiểu vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở rừng A-ma-dôn	1

CHÂU ĐẠI DƯƠNG	CHƯƠNG 5. CHÂU ĐẠI DƯƠNG	4
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương – Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Ô-xtrây-li-a	Bài 20. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm thiên nhiên châu Đại Dương	2
– Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	Bài 21. Đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a	2
CHÂU NAM CỰC	CHƯƠNG 6. CHÂU NAM CỰC	2
– Vị trí địa lí của châu Nam Cực – Lịch sử phát kiến châu Nam Cực – Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực	Bài 22. Châu Nam Cực	2

Lưu ý: Số tiết của mỗi bài học trên chỉ mang tính dự kiến, có thể thay đổi linh hoạt phụ thuộc vào kế hoạch giảng dạy của từng trường.

3. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 – PHẦN ĐỊA LÍ

Điểm mới quan trọng nhất của SGK Lịch sử và Địa lí 7 – phần Địa lí là chuyển từ việc tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực. Đây là xu hướng chung của thế giới và đang được triển khai ở Việt Nam.

Thông qua các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực địa lí tự nhiên, dân cư, kinh tế của các châu lục, cùng với việc sử dụng các tư liệu, hình ảnh và tình huống cụ thể trên thế giới cũng như ở Việt Nam, HS bước đầu hình thành được tình yêu quê hương đất nước, lòng nhân ái, chăm chỉ, trung thực và sống có trách nhiệm.

Các bài học trong phần *Địa lí 7* đã đưa ra nhiều câu hỏi, bài tập cũng như các tình huống yêu cầu HS phải giải quyết (ví dụ: cần tìm thêm tài liệu, thông tin từ các nguồn khác nhau hoặc phải có ý kiến riêng của mình,...) để từ đó góp phần hình thành năng lực tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề.

Ví dụ: – *Hãy thu thập thông tin về một trong các sông lớn của châu Âu: Rai-nơ, Đa-nuy-p, Von-ga (SGK Lịch sử và Địa lí 7, tr.91).*

– *Hãy thu thập thông tin về cách thức người dân khai thác các tài nguyên thiên nhiên ở địa phương em (SGK Lịch sử và Địa lí 7, tr.123).*

Việc hình thành và phát triển năng lực đặc thù địa lí là điểm nhấn trung tâm trong phần *Địa lí 7* và được triển khai nhất quán trong các bài học. Năng lực đặc thù địa lí bao gồm ba thành phần: nhận thức khoa học địa lí, tìm hiểu địa lí và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Để hình thành được năng lực, cần phải có kiến thức và kĩ năng. Từ hệ thống kiến thức cơ bản về địa lí các châu lục (tự nhiên, kinh tế – xã hội) trong SGK cùng với các kĩ năng, HS dần dần hình thành năng lực ở các mức độ từ thấp đến cao phù hợp với từng lớp học, cấp học.

Địa lí 7 đảm bảo tính kế thừa và tiếp thu những ưu điểm của SGK Địa lí 7 trước đó, đặc biệt là SGK hiện hành tiếp thu kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục tiên tiến cùng với thực tiễn giáo dục, điều kiện và khả năng học tập của HS ở các vùng, miền khác nhau.

Địa lí 7 đảm bảo được tính hiện đại Điều đó được thể hiện ở việc hiện đại hoá hệ thống kiến thức, bổ sung những kiến thức mới (ví dụ: phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ môi trường sống khác nhau của châu Phi, phương thức con người khai thác tài nguyên ở Bắc Mỹ, biến đổi khí hậu,...) và cập nhật hệ thống số liệu trong điều kiện cơ thể (tới năm 2019).

Đồng thời, việc giảm tải nội dung là hết sức quan trọng. So với SGK theo Chương trình năm 2006, nội dung tìm hiểu về các môi trường địa lí và châu lục được thực hiện trong toàn bộ thời lượng *Địa lí 7* và học kì I *Địa lí 8* thì nay đã được lồng ghép, giảm nhẹ lượng kiến thức để tổ chức dạy học trong 50 tiết học phần *Địa lí 7* (chỉ còn 66 trang so với 270 trang ở SGK theo Chương trình năm 2006 cùng nội dung). Chính vì vậy, nhóm tác giả đã rất cố gắng chắt lọc thông tin mà vẫn đảm bảo được nội dung cần trang bị cho HS về địa lí và đặc biệt là theo yêu cầu cần đạt của Chương trình năm 2018.

Địa lí 7 góp phần giúp GV và HS đổi mới quá trình dạy và học.

– GV đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới cách đánh giá thông qua hệ thống kênh hình, có sự tương tác trực tiếp với HS.

– HS được chủ động, sáng tạo trong học tập và có nhiều cơ hội tăng cường thực hành, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

Tính thực hành, vận dụng được chú trọng trong mỗi bài học, nhiều nội dung trong bài gắn liền với thực tiễn (thế giới, Việt Nam hoặc địa phương). Đặc biệt là các tình huống ở bài thực hành và phần Vận dụng.

Ví dụ: Ở bài 8 (Thực hành: Tìm hiểu một nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á), khuyến khích HS cần tự tìm kiếm thông tin, xử lý số liệu để hoàn thành bài báo cáo dựa trên những gợi ý.

Mức độ vận dụng của HS cũng đã được tính toán để phù hợp với trình độ và tâm lý lứa tuổi ở lớp 7.

Địa lí 7 chú trọng yêu cầu tích hợp Với Địa lí 7, sự tích hợp được thể hiện ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau. Đó là:

– Tích hợp giữa các kiến thức địa lí với địa lí kinh tế – xã hội, lồng ghép các nội dung liên quan như: thích tự phân bố dân cư dựa vào điều kiện tự nhiên, bảo vệ môi trường nước, môi trường không khí,... SGK *Lịch sử và Địa lí 7 – Cánh Diều* thể hiện tính hệ thống: tự nhiên – con người và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

– Vận dụng kiến thức từ các môn học khác (Toán học, Lịch sử, Sinh học, Vật lí,...) để làm sáng tỏ các kiến thức địa lí. Ví dụ: tính toán số liệu để nhận xét về gia tăng dân số, kết hợp với kiến thức lịch sử để nêu được giá trị và ý nghĩa của di sản lịch sử của châu Phi hay tìm hiểu về cuộc thám hiểm hàng hải của C. Cô-lôm-bô,...

Tất cả các hình thức này ở mức độ khác nhau đã được chú ý trong quá trình biên soạn *Địa lí 7*.

Địa lí 7 đổi mới về hình thức và cách trình bày. Hình thức của SGK *Địa lí 7* có nhiều ưu thế vượt trội so với các SGK theo Chương trình năm 2006 và trước đó. Điều này thể hiện rất rõ ở cả kênh chữ, kênh hình và cấu trúc sách.

Đối với mỗi bài học, ngoài yêu cầu cần đạt được đóng khung là lần lượt ba phần có liên hệ mật thiết với nhau: Mở đầu, Cung cấp kiến thức mới, Luyện tập và vận dụng.

Bản đồ là công cụ không thể thiếu trong dạy học Địa lí. Trong *Địa lí 7*, các bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ được xây dựng kỹ lưỡng cả về nội dung khoa học

và chất lượng hình ảnh; tạo ra tình huống học tập, vừa là nguồn tri thức địa lí, vừa tạo điều kiện để HS phát triển các kĩ năng và năng lực tìm hiểu địa lí.

Bên cạnh SGK, sách giáo viên, phiên bản điện tử còn hỗ trợ GV sử dụng các phương tiện và thiết bị dạy học theo yêu cầu mở: hiện đại, phù hợp và khả thi.

4. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐỊA LÍ 7

4.1. Định hướng chung về phương pháp

Đề cao vai trò chủ thể học tập của HS, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, bồi dưỡng phương pháp học tập, năng lực tự học để HS có thể tiếp tục tìm hiểu và mở rộng nhận thức.

Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đặc điểm tâm sinh lí, từng lớp. GV cần phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống như thuyết trình, đàm thoại,... với các phương pháp hiện đại đề cao vai trò chủ thể của HS như thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án,... Đa dạng các hình thức tổ chức hoạt động dạy học, từ hoạt động nhóm, cặp, cá nhân, học trên lớp, học ngoài thực địa,...

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hợp lí và hiệu quả các thiết bị dạy học.

4.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của học sinh

Thông qua nội dung môn học, hình thành cho HS các nhận thức về mối quan hệ giữa xã hội với môi trường, sự lựa chọn con đường phát triển kinh tế, khai thác tài nguyên của các khu vực, các quốc gia, từ đó dần hình thành phẩm chất yêu thiên nhiên, đất nước, con người; có ý thức, niềm tin và hành động trong việc sử dụng, bảo vệ tài nguyên và môi trường, yêu quý con người, tự tin, trung thực, khách quan trong cuộc sống.

4.3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực địa lí

GV cần lựa chọn các kiến thức thực tế tiêu biểu, sử dụng hiệu quả các phương tiện trực quan như bản đồ, video clip để hình thành biểu tượng địa lí; hướng dẫn

HS học từ thấp đến cao về các mối liên hệ, mối quan hệ nhân quả, mối quan hệ giữa xã hội với con người và môi trường tự nhiên. Trong địa lí, việc rèn luyện kĩ năng sử dụng công cụ học tập là rất quan trọng.

Các thiết bị dạy học sẽ giúp GV tổ chức hoạt động, tìm tòi kiến thức một cách tích cực, hạn chế tính hàn lâm khi học về các châu lục. Một số thiết bị dạy học tiêu biểu của Địa lí như:

- Bản đồ giáo khoa treo tường các châu lục, các khu vực,...
- Atlas Địa lí các châu lục.
- Video clip.
- Tranh ảnh.
- Các phần mềm dạy học.
- Các tư liệu dạy học khác.

5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ DẠY HỌC

Khi đánh giá kết quả dạy học cần đảm bảo các yêu cầu sau:

– Mục tiêu đánh giá bổ sung cấp, không chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình và là cơ sở của bộ của HS để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy học và hoạt động học của HS.

– Căn cứ để đánh giá là yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù đã được quy định trong Chương trình.

– Đánh giá cả về lí thuyết và kĩ năng. Đánh giá việc vận dụng tri thức vào các tình huống cụ thể, hạn chế đánh giá việc tái hiện kiến thức. Đa dạng các loại hình đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên bằng nhiều hình thức khác nhau.

– Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó sẽ tổng hợp việc đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và tiến bộ của HS.

B. HƯỚNG DẪN DẠY CÁC BÀI CỤ THỂ

CHƯƠNG 1. CHÂU ÂU



Bài 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI VÀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU ÂU

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

1. Năng lực

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí thông qua việc trình bày đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng, kích thước của châu Âu và đặc điểm các khu vực địa hình, đặc điểm phân hoá khí hậu, các đới tự nhiên của châu Âu.
- Năng lực tìm hiểu địa lí thông qua việc xác định trên bản đồ các sông lớn như: Rai-nơ, Đa-nuýp, Von-ga,...
- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc chủ động tìm hiểu nội dung bài học.
- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc tìm kiếm thông tin từ các nguồn tin cậy để làm rõ thực tiễn địa lí tự nhiên tại địa phương.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ, trách nhiệm và có thái độ tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ tự nhiên châu Âu.
- Bản đồ khí hậu châu Âu.
- Tranh ảnh, video clip về thiên nhiên châu Âu (nếu có).
- Phiếu học tập cho hoạt động nhóm (nếu có).

III. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- GV linh hoạt sử dụng các phương pháp khác nhau trong bài; phối hợp phương pháp truyền thống như đàm thoại, thuyết trình theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của HS với phương pháp hiện đại đề cao vai trò chủ động của HS như tổ chức hoạt động theo nhóm, theo cặp để thảo luận.

- GV cần hướng dẫn khai thác tốt các bản đồ, tranh ảnh để rút ra nhận xét.
- Bài học có thể tổ chức theo chuỗi các hoạt động để HS đạt được mục tiêu.
- Bài học dự kiến được thực hiện trong 2 tiết, tùy theo địa phương, theo trường, theo lớp, GV tổ chức và phân chia thời gian hợp lý.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu:* Tạo tình huống học tập, kết nối với nội dung để vào bài mới, tạo hứng thú cho giờ dạy.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có nhiều cách mở đầu bài học khác nhau, có thể mở bài như gợi ý trong SGK hoặc cho HS xem một video clip về cảnh quan ở các khu vực của châu Âu hoặc cho HS đoán tên nội dung các bức ảnh,...

Lưu ý: Ở hoạt động mở đầu, GV nên khuyến khích cho HS làm việc cá nhân. Tuy nhiên, cũng có những tình huống, GV nên khuyến khích HS làm việc theo cặp, nhóm nhỏ.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về vị trí địa lí và phạm vi châu Âu

a) *Mục tiêu:* Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp; đọc thông tin kết hợp quan sát hình 1.1 trong SGK để trả lời các câu hỏi sau:

- Cho biết châu Âu tiếp giáp với các biển, đại dương và các châu lục nào.
- Trình bày đặc điểm hình dạng và kích thước của châu Âu.

GV gợi ý cho HS quan sát hình 1.1 để đọc tên các đại dương, các biển tiếp giáp; quan sát đường bờ biển và đọc tên các bán đảo.

Sau khi đại diện HS trình bày, nhận xét, GV chuẩn kiến thức.

2.2. Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên

2.2.1. Tìm hiểu về các khu vực địa hình chính

a) *Mục tiêu:* Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp; đọc thông tin kết hợp quan sát hình 1.1 trong SGK để trả lời các câu hỏi sau:

- Kể tên các dãy núi và các đồng bằng lớn của châu Âu.
- Phân tích đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu.

GV gợi ý cho HS quan sát hình 1.1, đọc thang độ cao, dựa vào màu sắc để phân biệt các dạng địa hình núi, cao nguyên, đồng bằng theo độ cao. Đọc tên các dãy núi, các đồng bằng lớn. GV cũng có thể cho HS phân biệt các khu vực địa hình chính bằng cách lập bảng như sau:

Khu vực địa hình	Đặc điểm
Đồng bằng	?
Miền núi	?

Sau khi đại diện HS trả lời, nhận xét, GV chuẩn kiến thức.

2.2.2. Tìm hiểu về đặc điểm phân hoá khí hậu

- Mục tiêu:** Phân tích được đặc điểm phân hoá khí hậu của châu Âu.
- Tổ chức thực hiện:** GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin và quan sát hình 1.3 trong SGK để phân tích sự phân hoá khí hậu của châu Âu.

GV có thể gợi ý cho HS bằng các câu hỏi sau:

- Châu Âu có bao nhiêu đới khí hậu?
- Đặc điểm của từng đới khí hậu ở châu Âu là gì?
- Nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá khí hậu ở châu Âu là gì?

Sau khi đại diện nhóm trả lời, GV chuẩn kiến thức và nhấn mạnh đến nguyên nhân của sự phân hoá khí hậu là do vị trí địa lí, ảnh hưởng của biển và dòng biển.

GV có thể mở rộng để HS phân biệt kiểu khí hậu ôn đới lục địa và ôn đới hải dương hoặc đưa ra các câu hỏi phụ như: Ở châu Âu, đới khí hậu nào chiếm phần lớn diện tích? Nêu đặc điểm phân bố của các đới khí hậu này.

2.2.3. Tìm hiểu về các sông lớn

- Mục tiêu:** Xác định được trên bản đồ các sông lớn Rai-nơ, Đa-nuýp, Von-ga.
- Tổ chức thực hiện:** GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, HS quan sát hình 1.1 để xác định các sông lớn của châu Âu: Rai-nơ, Đa-nuýp, Von-ga.

Sau khi HS trả lời, GV chuẩn kiến thức và cho HS xem một số hình ảnh về các con sông trên. Đối với những HS khá và giỏi, GV hỏi thêm về đặc điểm của các sông như: Sông bắt nguồn từ đâu? Đổ ra biển nào?

2.2.4. Tìm hiểu về các đới thiên nhiên

a) *Mục tiêu:* Phân tích được đặc điểm các đới thiên nhiên ở châu Âu.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp, đọc thông tin kết hợp quan sát hình 1.1 trong SGK để phân tích đặc điểm các đới thiên nhiên của châu Âu.

Sau khi đại diện các cặp trình bày, nhận xét, GV chuẩn kiến thức. GV lưu ý, khi giải thích nguyên nhân hình thành các đới thiên nhiên, HS cần liên hệ với phần địa hình và khí hậu đã học ở trên: Đặc điểm thiên nhiên ở đới lạnh là do có khí hậu lạnh. Ở đới ôn hoà, nhiệt độ và lượng mưa thay đổi từ tây sang đông; càng đi về phía tây, khí hậu ẩm và mưa nhiều hơn so với phía đông.

3. Luyện tập và vận dụng

a) *Mục tiêu:* Củng cố kiến thức đã học và liên hệ thực tiễn.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, có thể gọi một số em trả lời tại lớp.

– **Luyện tập:** Câu 1, HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời. GV nhấn mạnh: Do vào sâu nội địa nên ảnh hưởng của biển và gió Tây ôn đới đã giảm.

– **Vận dụng:** Câu 2, HS hoàn thành ở nhà, lựa chọn và tìm hiểu thông tin trên sách, báo hoặc trên mạng internet.

V. TƯ LIỆU HỖ TRỢ DẠY HỌC

1. Các dòng biển có vai trò rất quan trọng đối với khí hậu ở bờ tây châu Âu. Dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương chảy qua vùng biển Tây Bắc Âu, làm cho nước và không khí ẩm lên. Về mùa đông, nước biển ở khu vực này không bị đóng băng mặc dù nằm trong vùng vĩ độ cao. Khi nước biển bốc hơi lại được gió Tây ôn đới thổi vào làm cho phần Tây Âu về mùa đông có thời tiết ẩm và ấm.

2. Sông Von-ga là con sông dài nhất và nhiều nước nhất ở châu Âu (chiều dài: 3 530 km, diện tích lưu vực là 1 360 000 km²), sông có giá trị kinh tế lớn về nhiều mặt: khai thác thủy điện, cung cấp nước cho sản xuất, đời sống, giao thông vận tải, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Sau khi kênh đào Von-ga – Đôn được hoàn thành, sông Von-ga trở thành con đường thủy nối năm biển là: Ban-tích, Bạch Hải, A-dốp, Biển Đen và biển Ca-xpi.



Bài 2. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU ÂU

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

1. Năng lực

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí thông qua việc trình bày đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.
- Năng lực tìm hiểu địa lí thông qua việc sử dụng các công cụ địa lí học như: tháp dân số, bảng số liệu, bản đồ, khai thác internet,...
- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tự tìm hiểu đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu từ sách, báo và các kênh thông tin khác.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi theo cặp/ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ và có trách nhiệm trong học tập.
- Tôn trọng sự đa dạng và khác biệt về văn hoá.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Tháp dân số châu Âu năm 1990 và năm 2019.
- Bản đồ tỉ lệ dân thành thị và một số đô thị ở châu Âu.
- Hình ảnh, video clip về một số đô thị ở châu Âu (nếu có).

III. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Cần làm rõ được đặc điểm cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. Châu Âu có cơ cấu dân số già. Tình hình di cư rất phức tạp. Đô thị ở châu Âu đã có từ lâu đời, quá trình đô thị hoá ở châu Âu gắn với quá trình công nghiệp hoá.
- HS dựa vào tháp dân số, bảng số liệu, bản đồ để nhận xét về đặc điểm cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.
- Bài học dự kiến được thực hiện trong 2 tiết. GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực để phát huy vai trò của HS.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu:* Tạo hứng thú, kết nối với kiến thức đã học, định hướng được nội dung của bài học.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể mở đầu như gợi ý trong SGK hoặc cho HS xem một số tranh ảnh về dân cư, di cư, sau đó đặt câu hỏi nêu vấn đề. Trên cơ sở đó, GV dẫn dắt vào bài.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về đặc điểm cơ cấu dân cư

a) *Mục tiêu:* Trình bày được đặc điểm cơ cấu dân cư châu Âu.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm (có thể sử dụng kỹ thuật các mảnh ghép); đọc thông tin và quan sát bảng 2, hình 2.1 trong SGK để trình bày đặc điểm cơ cấu dân cư châu Âu.

GV gợi ý cho HS:

– Về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi: Quan sát kỹ bảng 2 để nhận xét tỉ lệ các nhóm tuổi và sự biến động về tỉ lệ của từng nhóm tuổi năm 2010 và năm 2019.

– Về cơ cấu dân số theo giới tính: Quan sát kỹ hình 2.1. Tháp tuổi thể hiện được nhiều yếu tố của dân cư, ngoài cơ cấu dân số theo giới tính còn thể hiện được dân số theo độ tuổi và nam nữ tuổi.

– Về cơ cấu theo trình độ văn hoá: Châu Âu là châu lục mà dân cư có trình độ văn hoá cao, sự phát triển này là động lực quan trọng góp phần vào sự phát triển kinh tế của châu Âu.

Sau khi đại diện các nhóm HS trình bày, nhận xét, GV chuẩn kiến thức.

2.2. Tìm hiểu về đặc điểm di cư

a) *Mục tiêu:* Trình bày được đặc điểm di cư ở châu Âu.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK để nêu đặc điểm di cư ở châu Âu.

Sau khi đại diện một số HS trả lời, nhận xét, GV chuẩn kiến thức và cần chú ý rằng di cư có liên quan tới gia tăng dân số. Do sự chênh lệch về mức sống, phúc lợi xã hội của các nước châu Âu; đồng thời do chiến tranh, xung đột sắc tộc, tôn giáo,... ở các nước xung quanh châu lục nên đã thu hút một lượng lớn người nhập cư vào châu Âu. Điều này đã khiến cho châu Âu gặp khó khăn trong việc quản lý người nhập cư, ảnh hưởng tới nhiều vấn đề xã hội, an ninh,...

2.3. Tìm hiểu về đặc điểm đô thị hoá

a) Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở châu Âu.

b) Tổ chức thực hiện: GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, đọc thông tin và quan sát hình 2.2 trong SGK để trình bày đặc điểm của đô thị hoá ở châu Âu.

GV gợi ý cho HS bằng câu hỏi: Đô thị hoá ở châu Âu có những đặc điểm nào? Nêu biểu hiện của từng đặc điểm.

– Đặc điểm 1: HS chỉ cần nắm được: Do châu Âu phát triển công nghiệp sớm nên châu Âu đã thu hút lực lượng lao động vào các hoạt động công nghiệp, dịch vụ, cùng với việc đầu tư cơ sở hạ tầng.

– Đặc điểm 2: GV có thể cho HS quan sát kĩ hình 2.2 để đọc được tỉ lệ dân thành thị và đọc tên các đô thị lớn.

– Đặc điểm 3: Khi mức sống tăng cao đã có sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị thì việc mở rộng đô thị từ nông thôn trở nên phổ biến ở nhiều nước châu Âu.

Sau khi đại diện nhóm trình bày, nhóm khác, GV chuẩn kiến thức. GV có thể cho HS “tham quan” các đô thị ở châu Âu bằng cách xem video clip để thấy được sức sống của đô thị nơi đây, bên cạnh đó, nhiều đô thị vẫn giữ được nét cổ kính,...

3. Luyện tập và vận dụng

a) Mục tiêu: Cùng cố kiến thức đã học liên hệ thực tiễn địa phương.

b) Tổ chức thực hiện: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, có thể kết hợp các câu hỏi ở phần này trong quá trình dạy nội dung kiến thức mới.

– Luyện tập: Câu 1, GV định hướng cho HS dựa vào hình 2.2 để trả lời.

– Vận dụng: Câu 2, HS hoàn thành ở nhà, tra cứu thêm tài liệu từ internet, sách, báo,... GV yêu cầu sản phẩm, có thể là bài viết, hình ảnh,...

V. TƯ LIỆU HỖ TRỢ DẠY HỌC

Năm 2019, theo ước tính của Liên hợp quốc, châu Âu là châu lục tiếp nhận số lượng người di cư quốc tế lớn nhất thế giới (82 triệu người), tiếp theo là Bắc Mỹ (59 triệu người), Bắc Phi và Tây Á (49 triệu người).

Khủng hoảng di cư ở châu Âu hiện đang là vấn đề nhức nhối. Ngày càng có nhiều thảm kịch xảy ra trong những hành trình vượt biên mạo hiểm cũng như việc mở rộng tuyến đường di cư qua các nước thuộc bán đảo Ban-căng của dòng người chạy loạn. Điều này đã đặt ra cho lãnh đạo các nước châu Âu cần phải tìm ra những giải pháp hữu hiệu để ngăn dòng người đang đổ về “lục địa già” này.



Bài 3. PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

1. Năng lực

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí thông qua việc trình bày một vấn đề môi trường ở châu Âu.
- Năng lực tìm hiểu địa lí thông qua việc sử dụng các công cụ địa lí học như: tài liệu văn bản, biểu đồ, video clip, tranh ảnh; khai thác internet.
- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc chủ động tìm kiếm thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc tìm ý tưởng, trình bày về vấn đề môi trường đã lựa chọn.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ học tập, có trách nhiệm bảo vệ môi trường ở địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ CÔNG CỤ

- Biểu đồ tổng diện tích rừng và độ phủ rừng của châu Âu.
- Hình ảnh về các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước ở châu Âu (nếu có).
- Hình ảnh về sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Âu (nếu có).
- Một số video clip về khai thác và sử dụng tự nhiên ở châu Âu (nếu có).

III. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- GV sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập cho HS.
- Bài học có thể được tổ chức linh hoạt giữa các nội dung nhằm định hướng cho HS lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.
- Bài học dự kiến được thực hiện trong 2 tiết, tùy theo kế hoạch dạy học của nhà trường, GV tổ chức dạy học cho phù hợp.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS, định hướng và dẫn dắt vào bài học.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể khởi động như tình huống mở đầu trong SGK hoặc cho HS xem một đoạn video clip, hình ảnh,... để HS bước đầu hình dung được vấn đề sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Âu. Sau đó, GV dẫn dắt vào bài học.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về vấn đề bảo vệ môi trường nước

a) *Mục tiêu:* Trình bày được vấn đề bảo vệ môi trường nước.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và quan sát hình 3.1 trong SGK để trình bày về vấn đề bảo vệ môi trường nước ở châu Âu.

Sau khi một số HS trả lời, các em khác nhận xét, GV chuẩn kiến thức và sử dụng hình ảnh minh họa cho nội dung bài học.

2.2. Tìm hiểu về vấn đề bảo vệ môi trường không khí

a) *Mục tiêu:* Trình bày được vấn đề bảo vệ môi trường không khí.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp, đọc thông tin và quan sát hình 3.2 trong SGK để trình bày về vấn đề bảo vệ môi trường không khí ở châu Âu.

GV gợi ý HS trình bày về các nội dung:

- Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí.
- Các giải pháp bảo vệ môi trường không khí.

Sau khi đại diện một số cặp trình bày, nhận xét, GV chuẩn kiến thức và sử dụng thêm các hình ảnh minh họa để nội dung hấp dẫn hơn.

2.3. Tìm hiểu về vấn đề bảo vệ và phát triển rừng

a) *Mục tiêu:* Trình bày được vấn đề bảo vệ và phát triển rừng.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin và quan sát hình 3.3, hình 3.4 trong SGK để trình bày vấn đề bảo vệ và phát triển rừng ở châu Âu.

GV gợi ý HS dựa vào hình 3.3 để nhận xét về diện tích rừng và độ che phủ rừng, đồng thời cho HS biết được một số biện pháp khai thác và bảo vệ rừng ở châu Âu.

Sau khi đại diện một số nhóm trình bày, nhận xét, GV chuẩn kiến thức, có thể liên hệ với việc bảo vệ rừng ở nước ta.

3. Luyện tập và vận dụng

a) Mục tiêu: Củng cố những nội dung đã học và vận dụng vào tình huống mới.

b) Tổ chức thực hiện:

– Luyện tập: Câu 1, GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm lựa chọn và tìm hiểu về một vấn đề.

– Vận dụng: Câu 2, HS về nhà dựa vào thực tế địa phương để tìm hiểu về một vấn đề môi trường (môi trường nước, môi trường không khí, tài nguyên rừng,...).

V. TƯ LIỆU HỖ TRỢ DẠY HỌC

Ngày 8-9-2020, Cơ quan Môi trường châu Âu (EEA) đã công bố một báo cáo cho thấy, có tới 13 % số tử vong sớm ở châu lục này có liên quan đến ô nhiễm môi trường.

Báo cáo này của EEA chỉ rõ, cứ 100 người tử vong thì có 1 trường hợp tử vong liên quan đến ô nhiễm môi trường. Mỗi năm ô nhiễm môi trường đã gây ra 400 000 ca tử vong sớm ở châu Âu.

Ô nhiễm chủ yếu liên quan tới ung thư, các căn bệnh về tim mạch và hô hấp. Những người nghèo chịu tác động nặng nề nhất từ tình trạng ô nhiễm không khí và tình trạng khí hậu cực đoan, đặc biệt là liên quan đến việc họ sống, lao động và học tập, thường là những khu vực có mật độ giao thông đông đúc.

Báo cáo cũng chỉ ra sự khác biệt giữa các nước Đông Âu và Tây Âu. Chẳng hạn, Ru-ma-ni ghi nhận tác động lớn nhất từ môi trường với 1/5 số ca tử vong liên quan đến các vấn đề ô nhiễm, trong khi các quốc gia như Thụy Điển và Đan Mạch thì con số này là 1/10.

EEA chỉ ra rằng, đại dịch COVID-19 là một ví dụ cụ thể về mối liên quan giữa “sức khỏe nhân loại và sức khỏe hệ sinh thái”. Báo cáo nhận định sự nổi lên của các mầm bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người có liên quan tới sự suy thoái môi trường và sự tương tác giữa con người với động vật trong hệ thống thực phẩm.

Tuy nhiên, trong số các vấn đề về môi trường vẫn còn một yếu tố tích cực, đó là chất lượng nước tại châu Âu rất tốt, với chất lượng nước tắm được đánh giá ở mức tuyệt vời chiếm tới 85 %.

Theo EEA, để cải thiện sức khỏe và môi trường ở châu Âu, các không gian xanh nên được ưu tiên lựa chọn vì chúng góp phần làm mát các thành phố giữa các đợt nóng, làm giảm lũ lụt, giảm ô nhiễm tiếng ồn và hỗ trợ hệ sinh thái. Bên cạnh đó, các biện pháp như giảm thiểu hoạt động giao thông vận tải, giảm tiêu thụ thịt và xoá bỏ trợ cấp đối với nhiên liệu hoá thạch cũng được EEA khuyến cáo.

(Theo “Châu Âu: 13 % số ca tử vong liên quan đến ô nhiễm môi trường”,

Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 8-9-2020)



Bài 4. KHÁI QUÁT VỀ LIÊN MINH CHÂU ÂU

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu:

1. Năng lực

- Năng lực nhận thức khoa học và địa lý thông qua việc nêu dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.
- Năng lực tìm hiểu địa lý thông qua việc sử dụng các công cụ địa lý học như: tài liệu văn bản, số liệu thống kê, biểu đồ, bản đồ, khai thác internet.
- Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn qua việc liên hệ về mối quan hệ giữa Việt Nam và EU.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi và thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ, tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Các bảng số liệu trong SGK.
- Phiếu học tập (nếu có).

III. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

– Bài học dự kiến được thực hiện trong 2 tiết. GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, tạo ra nhiều tình huống thú vị để HS hào hứng thực hiện nhiệm vụ; đa dạng các hình thức hoạt động: cá nhân, cặp/ nhóm.

– EU là trung tâm kinh tế có quy mô hàng đầu thế giới; là trung tâm thương mại, tài chính hàng đầu thế giới với nhiều sản phẩm hàng hoá nổi tiếng thế giới. Điều này được chứng minh bằng các số liệu trong bài, GV khuyến khích HS chủ động thực hiện.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu:* Kết nối kiến thức đã có với những kiến thức sẽ học trong bài, tạo hứng thú và định hướng nội dung bài học cho HS.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể sử dụng tình huống mở đầu trong SGK, tổ chức cho HS làm việc cá nhân, nghiên cứu tình huống. GV gọi một số HS trả lời và nhận xét; sau đó tóm lược những ý kiến HS đã trả lời rồi dẫn dắt vào bài.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về EU – trung tâm kinh tế có quy mô GDP hàng đầu thế giới

a) *Mục tiêu:* Nêu được dẫn chứng về GDP để chứng tỏ EU là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn của thế giới.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, dựa vào bảng 4.1 trong SGK để so sánh GDP của EU với các trung tâm kinh tế lớn khác trên thế giới.

Sau khi một số HS trả lời xong, GV nêu bài tập thực hành: EU đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế thế giới (làm bài tập ở bảng sau).

Tỉ trọng GDP của bốn trung tâm kinh tế lớn so với GDP thế giới năm 2019

Trung tâm kinh tế lớn	EU	Hoa Kỳ	Trung Quốc	Nhật Bản	Thế giới
GDP (%)	17,8	24,4	16,3	5,8	100,0

Lưu ý: Sở dĩ có sự so sánh giữa EU với Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản vì đây đều là những trung tâm kinh tế lớn, có sức ảnh hưởng đến nền kinh tế của thế giới, chiếm tỉ trọng đáng kể trong GDP của toàn thế giới.

2.2. Tìm hiểu về EU – trung tâm thương mại, tài chính lớn của thế giới

a) *Mục tiêu:* Nêu được dẫn chứng về các hoạt động thương mại, tài chính để chứng tỏ EU là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn của thế giới.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin và dựa vào bảng 4.2 trong SGK để chứng minh EU là trung tâm thương mại, tài chính lớn của thế giới.

GV có thể gợi ý cho HS thông qua các câu hỏi sau:

– *Tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của EU chiếm bao nhiêu % tổng trị giá xuất, nhập khẩu thế giới?*

Cách tính: Tỷ lệ xuất khẩu, nhập khẩu của EU = (Tổng trị giá xuất khẩu và nhập khẩu của EU : Tổng trị giá xuất khẩu và nhập khẩu của thế giới) $\times 100\%$.

– *So sánh tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của EU với các trung tâm kinh tế lớn khác của thế giới.*

Sau khi đại diện các nhóm trình bày, nhận xét, GV chuẩn kiến thức và lấy thêm các ví dụ để HS hiểu rõ.

2.3. Tìm hiểu về EU – khu vực có vị thế kinh tế – xã hội và sản phẩm công nghiệp nổi tiếng trên thế giới

a) *Mục tiêu:* Nêu được dẫn chứng về vị thế kinh tế – xã hội và sản phẩm công nghiệp nổi tiếng của EU.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, tìm thông tin trong SGK để chứng minh EU có nhiều sản phẩm công nghiệp nổi tiếng trên thế giới.

Sau khi một số HS trình bày, các HS khác nhận xét, GV chuẩn kiến thức và lấy thêm các ví dụ về một số sản phẩm công nghiệp nổi tiếng trên thế giới của EU như: máy bay, ô tô, thiết bị điện tử, du lịch, văn hóa, thể thao, nghệ thuật, ẩm thực, thời trang, mỹ phẩm, dược phẩm, nông sản, v.v.

Ở nội dung này, GV có thể tổ chức hoạt động nhóm, liên hệ về những sản phẩm của EU có mặt ở thị trường Việt Nam. HS có thể nêu được ưu điểm của các sản phẩm này.

3. Luyện tập và vận dụng

a) *Mục tiêu:* Củng cố kiến thức đã học và vận dụng vào thực tiễn.

b) *Tổ chức thực hiện:*

– *Luyện tập:* Câu 1, HS làm việc cá nhân, tóm lược những ý chính để chứng tỏ EU là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

– *Vận dụng:* Câu 2, đã kết hợp với nội dung ở phần 2.3. GV có thể yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm một số sản phẩm của EU có ở thị trường Việt Nam, liên hệ trong gia đình em có sử dụng các sản phẩm này hay không.

V. TƯ LIỆU HỖ TRỢ DẠY HỌC

Tiền thân của EU là Cộng đồng Kinh tế châu Âu, được thành lập theo Hiệp ước Rô-ma kí năm 1957 và có hiệu lực từ năm 1958. Đây là tổ chức kinh tế –

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



**BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7
Cánh Diều**

- 
1. Ngữ văn 7 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 7 (Tập một, Tập hai)
3. Giáo dục công dân 7
4. Lịch sử và Địa lý 7
5. Khoa học và Công nghệ 7
6. Công nghệ 7
7. Tin học 7
8. Giáo dục thể chất 7
9. Âm nhạc 7
10. Mỹ thuật 7
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7
12. Tiếng Anh 7 Explore English

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 7 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC

**SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ**

Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập
website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com

ISBN: 978-604-549-947-4

